|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THCS BÌNH AN  **TỔ VĂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY CỦA GIÁO VIÊN NĂM HỌC 2017- 2018**

Căn cứ vào phân phối chương, nội dung sách giáo khoa, Chuẩn kiến thức kĩ năng bộ môn và Hướng dẫn thực hiện giảm tải chương trình bậc THCS của Bộ GD - ĐT;

Căn cứ vào  Kế hoạch chỉ đạo về việc thực hiện nhiệm vụ năm học của BGH Trường THCS Bình An;

Cá nhân xây dựng Kế hoạch giảng dạy năm học 2017 – 2018 như sau:

**A. PHẦN CHUNG**

**I. Thông tin về giáo viên**

- Họ và tên giáo viên: Nguyễn Thị Hường

- Sinh ngày 02 tháng 9 năm 1976

- Trình độ, chuyên ngành đào tạo: ĐHSP Ngữ văn

- Năm vào ngành: 1998

- Xếp loại chuyên môn năm học trước:

- Số điện thoại: 0976 621109; địa chỉ Email: huyenmp1976@gmail.com

- Chỗ ở hiện tại. 7/18/15 Đường 898 – Phường Phú Hữu – Quận 9 – TP. Hồ Chí Minh

**II. Nhiệm vụ được giao:**

Dạy Ngữ văn 8

**III. Đặc điểm tình hình các lớp giảng dạy:**

**1. Thuận lợi :**

- Cơ sở vật chất trường lớp tương đối ổn định. Đa phần phụ huynh quan tâm tới việc học tập của con em

- 100% HS có đầy đủ SGK, sách tham khảo và đồ dùng học tập cần thiết cho học môn Ngữ văn .

- Ban giám hiệu nhà trường thực sự quan tâm đến chất lượng văn hóa của HS.

- Nhà trường mua sắm một số trang thiết bị dạy học hiện đại để GV và HS được làm quen với dạy học theo công nghệ cao.

- Phần lớn học sinh các lớp giảng dạy ngoan hiền, ý thức học tập bộ môn tương đối tốt; đặc biệt có một số học sinh yêu thích bộ môn Ngữ văn nên học tập rất tích cực, sôi nổi. Trong giờ học, có nhiều học sinh tham gia phát biểu xây dựng bài. Việc hoạt động tổ, nhóm để thảo luận rút ra kiến thức bài học được học sinh tham gia nhiệt tình, đạt một số kết quả nhất định.

**2. Khó khăn:**

- Còn một số học sinh ý thức học tập chưa cao, năng lực tiếp thu kiến thức bài học rất hạn chế; kĩ năng diễn đạt quá yếu; trầm tính, ít tham gia phát biểu xây dựng bài trong giờ học; phương tiện, dụng cụ học tập chưa đầy đủ …

- Chất lượng HS không đồng đều.

**1V. Chất lượng chuyên môn**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| MÔN LỚP | SĨ SỐ | CHẤT LƯỢNG ĐẦU NĂM | | | CHỈ TIÊU PHẤN ĐẤU | | | | | | GHI CHÚ |
| TB | K | G | HỌC KÌ I | | | CẢ NĂM | | |
| TB | K | G | TB | K | G |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**V. Biện pháp nâng cao chất lượng :**

**1. Về phía giáo viên**:

- Có đầy đủ SGK, SBT, vở ghi chép và các đồ dùng học tập khác phục vụ cho việc học tập như: Thước, vở bài tập , giấy trong, ...

- Tạo nên phong trào thi đua, phấn đấu trong học tập.

- Thực hiện nghiêm túc nề nếp chuyên môn: ra vào lớp đúng giờ, soạn bài đầy đủ, có chất lượng. Đầu tư vào khâu cải tiến, đổi mới phương pháp giảng dạy phù hợp với đối tượng HS, phát huy tính tích cực của HS, nâng cao hiệu quả giờ lên lớp. Thực hiện đúng phân phối chương trình, lịch báo giảng. Dạy đúng, dạy đủ các tiết, kiểm tra, chấm chữa bài chính xác, trả bài đúng thời gian qui định, có khen chê kịp thời.

- Thường xuyên kiểm tra việc chuẩn bị bài tập, học bài ở nhà của HS, phải đưa các em vào nề nếp ngay từ đầu năm, phân loại từng đối tượng HS để có biện pháp giáo dục thích hợp, kết hợp với GV bộ môn đôn đốc nhắc nhở các em học bài, làm bài và ghi chép bài đầy đủ. Xây dựng cho HS thói quen tự học ở nhà

- Tích cực tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao nghiệp vụ. Sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn, trao đổi tháo gỡ những vướng mắc trong bài dạy từng bước nâng cao chất lượng giờ lên lớp .

- Sử dụng triệt để các thiết bị dạy học hiện có trong thư viện, có ý thức sử dụng máy chiếu hắt, ... tạo hứng thú cho HS.

- Quan tâm tới các đối tượng HS một cách hợp lí - Dạy kiến thức nâng cao, giao việc, giáo viên chấm sửa.

- Hướng dẫn các em cách đọc tư liệu, thu thập kiến thức ghi chép vào sổ tay văn học.

- Kết hợp với giáo viên chủ nhiệm, với PHHS. Xây dựng cho các em nền nếp tự học.

**2. Về phía học sinh:**

- Có đầy đủ SGK, SBT, vở ghi chép và các đồ dùng học tập khác phục vụ cho việc học tập như: Thước, vở bài tập, giấy trong...

- Tập trung, chú ý nghe giảng, tích cực xây dựng bài, học và làm bài đầy đủ trước khi đến lớp theo yêu cầu của GV; đọc trước bài mới từ 1đến 2 lần.Tăng cường việc kiểm tra bài cũ, dùng phương pháp tối ưu để truyền đạt kiến thức.

- Tạo nên phong trào thi đua, phấn đấu trong học tập. Dạy bồi dưỡng để rèn luyện một số kĩ năng chưa vững.

- Định hướng cho học sinh học tổ - nhóm, có giáo viên theo dõi, nhắc nhở thưởng xuyên. Thiết lập đôi bạn cùng tiến

- Khuyến khích tinh thần phát biểu xây dựng bài bằng cách ghi chấm điểm miệng cho những em trả lời chính xác

- Phân tích, giảng giải để các em thấy được cái hay, cái đẹp khi học môn Ngữ văn (giá trị và tác dụng)

**VI. Chỉ tiêu phấn đấu:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| LỚP | SĨ SỐ | SƠ KẾT HK I | | | TỔNG KẾT CẢ NĂM | | | GHI CHÚ |
| TB | K | G | TB | K | G |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**B. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY MÔN: (NGỮ VĂN 8)**

**1*.*TIẾNG VIỆT 8:**

| **Tuần** | **Tên chương /Bài** | **Tiết** | **Mục tiêu của chương / bài** | **Kiến thức trọng tâm** | **Phương pháp GD** | **Chuẩn bị**  **của GV, HS** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | **Câp độ khái quát nghĩa của từ ngữ** | 3 | KT: - Các cấp độ khái quát về nghĩa của từ ngữ.  KN :  - Thực hành so sánh, phân tích các cấp độ khái quát nghĩa của từ ngữ. | - Cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ và mối quan hệ về cấp độ khái quát.  - Từ ngữ nghĩa rộng và từ ngữ nghĩa hẹp | - Tích hợp.  - Quy nạp | - Giáo án  - Bảng phụ. |  |
| 2 | **Trường từ vựng** | 7 | KT : - Khái niệm về trường từ vựng.  KN: - Tập hợp các từ có chung nét nghĩa vào cùng một trường từ vựng.  - Vận dụng kiến thức về trường từ vựng để đọc – hiểu và tạo lập văn bản. | - Thế nào là trường từ vựng.  - Nêu một số khía cạnh khác nhau của trường từ vựng | - Tích hợp.  - Quy nạp | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 4 | **Từ tượng hình, từ tượng thanh** | 15 | KT: - Đặc điểm của từ tượng thanh, từ tượng hình.  - Công dụng của từ tượng thanh, từ tượng hình.  KN : - Nhận biết từ tượng hình, từ tương thanh và giá trị của chúng trong văn miêu tả.  - Lựa chon, s/d từ tượng hinhh, từ tượng thanh phù hợp với hoàn cảnh nói, viết. | - Đặc điểm công dụng của từ tượng thanh và từ tượng hình. | - Tích hợp.  - Quy nạp | Đọc tài liệu, SGK, SGV. Bảng phụ |  |
| 5 | **Từ địa phương và biệt ngữ xã hội** | 17 | KT: - Khái niệm từ địa phương, biệt ngữ xã hôi.  - Tác dụng của việc s/d từ địa phương, biệt ngữ xã hôi trong văn bản.  KN : - Nhận biết, hiểu nghĩa một số từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hôi.  - Dùng từ địa phương, biệt ngữ xã hôi phù hợp với tình huống giao tiếp. | - Từ địa phương.  - Biệt ngữ xã hội.  - Sử dụng từ địa phương và biệt ngữ xã hội. | - Làm bài tại lớp | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 6 | **Trợ từ, thán từ** | 23 | KT : - Khái niệm trợ từ, thán từ.  - Đặc điểm và cách s/d trợ từ, thán từ.  KN :  - Dùng trợ từ và thán từ phù hợp trong nói và viết. | - Hiểu được thế nào là trợ từ.  - Những trường hợp thể hiện của thán từ | - Tích hợp  - Quy nạp | Đọc tài liệu, SGK, SGV. Bảng phụ |  |
| 7 | **Tình thái từ** | 27 | KT : - Khái niệm về các loại tình thái từ.  - Cách sử dụng tình thái từ.  KN : - Dùng tình thái từ phù hợp với tình huống giao tiếp. | - Chức năng của tình thái từ  - Sử dụng tình thái từ | - Tích hợp.  - Gợi tìm – Thảo luận  - Quy nạp. | Đọc tài liệu, SGK, SGV. Bảng phụ |  |
| 8 | **Chương trình địa phương (Phần Tiếng Việt)** | 31 | KT : Các từ địa phương chỉ quan hệ ruột thịt, thân thích.  KN :  - S/d từ ngữ địa phương chỉ quan hệ thân thích ruột thịt | - Điều tra những từ ngữ chỉ quan hệ ruột thịt thân thích ở địa phương tương đương từ tòan dân.  - So sánh ư4ng từ địa phương trùng với từ tòan dân và không trùng với từ địa phương. | - Học sinh viết văn bản.  - Trao đổi – đánh giá | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 10 | **Nói quá** | 37 | KT : - Khái niệm nói quá  - Phạm vị s/d của biện pháp tu từ nói quá (chú ý cách s/d trong thành ngữ, tục ngữ, ca dao,…)  - Tác dụng của biện pháp nói quá.  KN : - Vận dụng hiểu biết về biện pháp nói quá trong đọc – hiểu VB. | - Thế nào là nói quá  - Tác dụng của nói quá | - N. xét đánh giá đề ra hướng khắc phục. | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| **Nói giảm nói tránh** | 40 | KT : - Khái niệm nói giảm nói tránh.  - Tác dụng của biện pháp tu từ nói giảm nói tránh.  KN : - Phân biệt nói giảm nói tránh với nói không đúng sự thật.  - S/d biện pháp nói giảm nói tránh đúng lúc, đúng chỗ tạo lời nói trang nhã, lịch sự. | - Thế nào là nói giảm, nói tránh  - Tác dụng của nói giảm nói tránh. | - Tích hợp  - Gợi tìm – thảo luận | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 11 | **Câu ghép** | 43 | KT : - Đặc điểm của câu ghép  - Cách nối các vế câu ghép.  KN : - Phân biệt câu ghép với câu đơn và câu mở rộng thành phần.  - S/d câu ghép phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp  - Nối các vế câu ghép theo yêu cầu. | - Đặc điểm của câu ghép  - Cách nối các vế câu | - Thực hành củng cố kiến thức.  - Tích hợp | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ. |  |
| 12 | **Câu ghép (tt)** | 46 | KT :- Mối quan hệ về ý nghĩa giữa các vế câu ghép.  - Cách thể hiện quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu ghép.  KN : - Xác định quan hệ ý nghĩa giữa các vế của câu ghép dựa vào văn cảnh hoặc hoàn cảnh giao tiếp  - Tạo lập tương đối thành thạo câu ghép phù hợp với yêu cầu giao tiếp. | - Quan hệ ý nghĩa của các vế câu.  - Muốn biết chính xác quan hệ giữa các vế câu phải dựa vào văn cảnh hoặc hòan cảnh giao tiếp. | - Quy nạp  - Tích hợp. | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ. |  |
| 13 | **Dấu ngoặc đơn và dấu hai chấm** | 50 | KT : - Công dụng của dấu ngoặc đơn và dấu hai chấm  KN :  - S/d dấu ngoặc đơn và dấu hai chấm.  - Sửa lỗi về dấu ngoặc đơn và dấu hai chấm | - Công dụng của dấu ngoặc đơn.  - Công dụng của dấu hai chấm. | - Bài làm tại lớp | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 14 | **Dấu ngoặc kép** | 53 | KT :  - Công dụng của dấu ngoặc kép  KN :  - S/d dấu ngoặc kép  - Sửa lỗi về dấu ngoặc kép | - Công dụng của dấu ngoặc kép:  + Đánh dấu, từ ngữ, câu, đạon dẫn trực tiếp  + Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt hay mỉa mai.  + Đánh dấu tên tác phẩm, tờ báo, tập san. | - Chuẩn bị ở nhà vào lớp trình bày | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ, |  |
| 15 | **Ôn luyện về dấu câu** | 59 | KT: - Hệ thống các dấu câu và công dụng của chúng trong hoạt động giao tiếp.  - Việc phối hợp s/d các dấu câu hợp lí tạo nên hiệu quả cho VB ; ngược lai, s/d dấu câu sai có thể làm cho người đọc không hiểu hoặc hiểu sai ý người viết định diễn đạt.  KN: - Vận dụng kiến thức về dấu câu trong quá trình đọc – hiểu và tạo lập văn bản.  - Nhận biết và sửa các lỗi về dấu câu | - Tổng kết lại về dấu câu.  - Các lỗi thường gặp về dấu câu.  -Việc phối hợp s/d các dấu câu hợp lí tạo nên hiệu quả cho VB ; ngược lai, s/d dấu câu sai có thể làm cho người đọc không hiểu hoặc hiểu sai ý người viết định diễn đạt. | - Gợi tìm  - Qui nạp | - Giáo án  - Bảng phụ, thước, |  |
| 15 | **Kiểm tra Tiếng Việt** | 60 | KT: - Củng cố lại kiến thức về dấu câu một cách có hệ thống  - Đánh giá kết quả học tập của học sinh.  KN: - Rèn kĩ năng s/d dấu câu.  - Có ý thức cẩn trọng trong việc dùng dấu câu,  tránh được các lỗi thường gặp về dấu câu. | - KT trắc nghiệm phần kiến thức về T. Việt  - Ra đề có tính hệ thống, kiểm tra được toàn bộ kiến thức. | - Tích hợp  - Quy nạp | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 16 | **Ôn tập phần Tiếng Việt** | 63 | KT: - Hệ thống các kiến thức về từ vựng và ngữ pháp đã học ở kì I.  KN: - Vận dụng thuần thục kiến thức Tiếng Việt đã học ở kì I để hiểu nội dung, ý nghĩa VB hoặc tạo lập VB. | - Hệ thống các kiến thức về từ vựng và ngữ pháp đã học ở kì I.  - Vận dụng thuần thục kiến thức Tiếng Việt đã học ở kì I để hiểu nội dung, ý nghĩa VB hoặc tạo lập VB. | - HS tự nhận xét làm bài, GV nhận xét bồ sung | Đọc tài liệu, SGK, SGV. Bảng phụ |  |
| 17 | **Trả bài kiểm tra Tiếng Việt** | 67 | KT: - Củng cố lại kiến thức về dấu câu một cách có hệ thống  - Đánh giá kết quả học tập của học sinh.  KN: - Rèn kĩ năng s/d dấu câu.  - Có ý thức cẩn trọng trong việc dùng dấu câu, tránh được các lỗi thường gặp về dấu câu. | - Biết làm thơ 7 chữ với những yêu cầu tối thiểu: đặc biệt thơ 7 chữ, biết ngắt nhịp 4/3, biết gieo đúng vần. | - Quy nạp  - Tích hợp | Giáo án  Tập bài chấm, bảng điểm, nhận xét, |  |
| 18 | **Kiểm tra tổng hợp kì I** | 68-69 | KT :  - Củng cố lại kiến thức đã học trong chương trình kì I (ở cả 3 phân môn)  - Đánh giá kết quả học tập của học sinh.  KN :  - Rèn kĩ năng làm bài tổng hợp | \* Giúp học sinh:  - Nhận xét chung về bài làm kiểm tra của học sinh.  - Sửa chữa sai sót trong quá trình làm bài của HS  - Thống kê chất lượng bài làm của các em | - Chia tổ tập nói các em nói với nhau.  - Cử đại diện trình bày trước lớp. | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 19 | **HĐNV: Làm thơ 7 chữ** | 70-71 | KT :  - Những yêu cầu tối thiểu khi làm thơ 7 chữ.  KN :  - Nhận biết thơ 7 chữ.  - Đặt câu thơ 7 chữ với các yêu cầu đối, nhịp, vần,… | -Khả năng vận dụng linh hoạt theo hướng tích hợp các kiến thức và kỹ năng ở cả ba phần của môn học  - Năng lực vận dụng tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm trong một bài viết và kỹ năng TLV nói chung để viếtđược một bài văn. |  | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| **Trả bài kiểm tra tổng hợp** | 72 | KT: - Củng cố lại kiến thức đã học trong chương trình kì I (ở cả 3 phân môn)  - Đánh giá kết quả học tập của học sinh.  KN: - Rèn kĩ năng làm bài tổng hợp | - Nhận xét, đánh giá chung về bài làm của học sinh.  - sửa sai sót, thống kê chất lượng | - Tích hợp  - Quy nạp | Giáo án  Tập bài chấm, bảng điểm, nhận xét  Bảng phụ, |  |
| 20 | **Câu nghi vấn** | 75 | KT:- Đặc điểm hình thức của câu nghi vấn  - Chức năng chính của câu nghi vấn  KN :  - Nhận biết và hiểu được t/d của câu nghi vấn trong văn bản cụ thể.  - Phân biệt câu nghi vấn với một số kiểu câu dễ lẫn | - Hiểu rõ đặc điểm hình thức của câu nghi vấn. Phân biệt câu nghi vấn với các kiểu câu khác.  - Nắm vững chức năng chính của câu nghi vấn: Dùng để hỏi | - HS tự đánh giá, GV nhận xét tổng kết | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 21 | **Câu nghi vấn**  **(tiếp)** | 79 | KT :  - Các câu nghi vấn dùng với chức năng khác ngoại chức năng chính  KN :  - Vận dụng kiến thức đã học về câu nghi vấn để đọc – hiểu và tạo lập VB. | - Hiểu rõ câu nghi vấn không chỉ dùng để hỏi mà còn dùng để cầu khiến ; khẳng định, phủ định, đe dọa, bộc lộ tình cảm, cảm xúc. Biết sử dụng câu nghi vấn phù hợp với tình huống giao tiếp. | Đánh giá chung, vấn đáp, diễn giảng | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 22 | **Câu cầu khiến** | 82 | KT: - Đặc điểm hình thức câu cầu khiến.  - Chức năng của câu cầu khiến.  KN:  - Nhận biết câu cầu khiến trong văn bản.  - S/d câu cầu khiến phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp. | - Hiểu rõ đặc điểm hình thức của câu cầu khiến. Phân biệt câu cầu khiến với các câu khác. Nắm vững chức năng của câu cầu khiến phù hợp với tình huống giao tiếp. | Trắc nghiệm, tự luận | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 23 | **Câu cảm thán** | 86 | KT :  - Đặc điểm hình thức câu cảm thán.  - Chức năng của câu cảm thán.  KN :  - Nhận biết câu cảm thán trong văn bản.  - S/d câu cảm thán phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp. | - Hiểu rõ đặc điểm hình thức của câu cảm thán. Phân biệt với các câu khác. Nắm vững chức năng, biết sử dụng phù hợp với tình huống giao tiếp. | Đáng giá, vấn đáp, diễn giảng | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 24 | **Câu trần thuật** | 89 | KT :  - Đặc điểm hình thức câu trần thuật.  - Chức năng của câu trần thuật.  KN : - Nhận biết câu trần thuật trong văn bản.  - S/d câu trần thuật phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp. | - Hiểu đặc điểm, hình thức, phân biệt câu trần thuật với các câu khác. Nắm chức năng và sử dụng phù hợp với tình huống giao tiếp. | - Tích hợp, vấn đáp, diễn giảng | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| **Câu phủ định** | 91 | KT: - Đặc điểm hình thức câu phủ định.  - Chức năng của câu phủ định .  KN:  - Nhận biết câu phủ định trong văn bản.  - S/d câu phủ định phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp. | - Hiểu đặc điểm, hình thức, nắm được chức năng và biết sử dụng phù hợp với tình huống giao tiếp. | - Tích hợp  -Vấn đáp  - Quy náp | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 25 | **Hành động nói** | 95 | KT:  - K/n hành động nói.  - Các kiểu hành động nói thường gặp.  KN:  - Xác định được hành động nói trong các văn bản đã học và trong giao tiếp.  - Tạo lập được hành động nói phù hợp với mục đích giao tiếp. | - Hành động nói là hành động được thực hiện bằng lời nói nhằm mục đích nhất định. Dựa theo mục đích của hành động nói mà quy định thành một số kiểu khái quát nhất định. Có thể sử dụng nhiều kiểu câu đã học để thực hiện một hành động nói. | - Tích hợp  - Vấn đáp  - Diễn giảng | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 26 | **Hành động nói**  **(tiếp)** | 98 | KT:  - Cách dùng các kiểu câu để thực hiện hành động nói  KN:  - S/d các kiểu câu để thực hiện hành động nói phù hợp. | - Nắm được khái niệm hành động nói và một số kiểu hành động nói thường gặp. Nắm được các kiểu câu để thực hiện hành động nói. | - Tích hợp  - Vấn đáp | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 28 | **Hội thoại** | 106 | KT :  - Vai XH trong hội thoại.  KN :  - Xác định được các vai XH trong cuộc thoại | - Biết phân biệt vai xã hội trong hội thoại và xác định đúng đắn trong quan hệ giao tiếp. | - Tích hợp.  - Quy nạp | Đọc tài liệu, SGK, SGV. Bảng phụ |  |
| 29 | **Hội thoại**  **(tiếp)** | 111 | KT : - Khái niệm lượt lời.  - Việc lựa chọn lượt lời góp phần thể hiện thái độ và phép lịch sự trong giáo tiếp.  KN: - Xác định được các lượt lời trong các cuộc thoại.  - S/d đứng lượt lời trong giao tiếp. | - Lượt lời trong hội thoại  - Vận dụng hiểu biết vấn đề trên vào hội thoại đạt hiệu quả giao tiếp | - Tích hợp.  - Quy nạp | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 30 | **Lựa chọn trật tự từ trong câu** | 114 | KT :  - Cách sắp xếp trật tự từ trong câu.  - T/d diễn đạt của những trật tự từ khác nhau.  KN : - Phân tích hiệu quả diễn đạt của việc lựa chọn trật tự từ trong một số VB văn học.  - Phát hiện và sửa được một số lỗi trong sắp xếp trật tự từ. | - Lưa chọn trật tự trong câu có nhiều cách, mỗi cách đem lại hiệu quả diễn đạt riêng.  - Tác dụng của sự sắp xếp trật tự. | - Tích hợp.  - Quy nạp | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 31 | **Lựa chọn trật tự từ trong câu (tiếp)** | 119 | KT : - T/d diễn đạt của một số cách sắp xếp trật tự từ.  KN : - Phân tích hiệu quả diễn đạt của việc lựa chọn trật tự từ trong VB.  - Lựa chọn trật tự từ hợp lí trong nói và viết, phù hợp với hoàn cảnh và mục đích giao tiếp. | - Đưa ra và phân tích được tác dụng của một số cách sắp xếp trật tự.  - Viết được một đoạn văn với một trật tư hợp lí. | - Làm bài tại lớp | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 32 | **Chữa lỗi diễn đạt**  **(lỗi lô-gíc)** | 122 | KT :  - Hiệu quả của việc diễn đạt hợp lô-gíc.  KN :  - Phát hiện và chữa được các lỗi diễn đạt liên quan đến lô-gíc. | - Biết nhận diện và sữa chữa một số lỗi diễn đạt liên quan đến logic. | Vấn đáp giải thích, minh hoạ, phân tích cắt nghĩa; nêu và giải thích vấn đề, thảo luận nhóm, ... | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 33 | **Ôn tập Tiếng Việt học kì II** | 126 | KT : - Các kiểu câu nghi vấn, câu cầu khiến, cảm thán, trần thuật, phủ định.  - Các hành động nói.  - Cách thực hiện hành động nói bằng các kiểu câu khác nhau  KN : - Sử dụng các kiểu câu phù hợp với hành động nói để thực hiện các mục đích giao tiếp khác nhau.  - Lựa chọn trật tự từ phù hợp đẻ tạo câu có sắc thái khác nhau trong giao tiếp và làm văn | - Ôn lại các kiểu câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán, trần thuật, phủ định, hành động nói, lưa chọn trật tự trong câu. | Vấn đáp giải thích, minh hoạ, phân tích cắt nghĩa; nêu và giải thích vấn đề, thảo luận nhóm, ….. | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 34 | **Kiểm tra Tiếng Việt** | 130 | KT : - Hệ thống kiến thức về các kiểu câu, về hành động nói, veef hội thoại  - Đánh giá kết quả học tập của học sinh.  KN:- Rèn kĩ năng phân tích tổng hợp kiến thức. | - Ôn lại các kiểu câu  - Hành động nói.  - Lựa chọn trật tự trong câu |  | Đề, đáp án và biểu điểm |  |
| 35 | **Trả bài kiểm tra tổng hợp cuối năm** | 135  -  136 | KT : - Củng cố lại kiến thức đã học trong chương trình kì II (ở cả 3 phân môn)  - Đánh giá kết quả học tập của học sinh.  KN: - Rèn kĩ năng làm bài tổng hợp | Kiểm tra nội dung chương trì nh học kỳ II, khắc sâu kiến thức đã học |  | Giáo án  Tập bài chấm, bảng điểm, nhận xét  Bảng phụ. |  |
| 36 | **Chương trình địa phương (Phần Tiếng Việt)** | 138 | KT: - Sự khác nhau về từ ngữ xưng hô của tiếng địa phương mình và ngôn ngữ toàn dân.  - T/d của việc s/d từ ngữ xưng hô ở địa phương, từ ngữ xưng hô toàn dân trong hoàn cảnh giao tiếp cụ thể.  KN: - Lựa chọn cách xưng hô phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.  - Tìm hiểu, nhận biết từ ngữ xưng hô ở địa phương đang sinh sống (hoặc ở quê hương) | - Nhận ra sự khác nhau về từ ngữ xưng hô và cách xưng hô của các địa phương khác nhau.  - Hướng HS sử dụng tốt từ ngữ địa phương. | Vấn đáp giải thích, minh hoạ, phân tích cắt nghĩa; nêu và giải thích vấn đề, thảo luận nhóm, | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 37 | **Trả bài kiểm tra tổng hợp** | 140 | KT :  - Củng cố lại kiến thức đã học trong chương trình kì II (ở cả 3 phân môn) - Đánh giá kết quả học tập của học sinh.  KN : - Rèn kĩ năng làm bài tổng hợp | Giúp học sinh thấy được ưu, khuyết điểm của bài làm và hướng sửa chữa |  | Giáo án  Tập bài chấm, bảng điểm, nhận xét  Bảng phụ. |  |

**2. TẬP LÀM VĂN 8:**

| **Tuần** | **Tên chương /Bài** | **Tiết** | **Mục tiêu của chương / bài** | **Kiến thức trọng tâm** | **Phương pháp GD** | **Chuẩn bị**  **của GV, HS** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | **Tính thống nhất về chủ đề của văn bản** | 4 | KT: - Chủ đề văn bản.  - Những thể hịên của chủ đề trong một văn bản.  KN: - Đọc – hiểu và có khả năng bao quát toàn bộ văn bản.  - Trình bày một văn bản (nói, viết) thống nhất về chủ đề. | - Thế nào là chủ đề.  - Thế nào là tính thống nhất về chủ đề. Làm thế nào để đảm bảo tính thống nhất đó. | - Tích hợp.  - Quy nạp | - Giáo án  - Bảng phụ. |  |
| 2 | **Bố cục của văn bản** | 8 | KT: - Bố cục của văn bản, tác dụng của việc xây dựng bố cục..  KN: - Sắp xếp các đoạn văn trong bài theo một bố cục nhất định.  - Vận dụng kiến thức về bố cục trong việc đọc – hiểu văn bản. | - Bố cục của văn bản.  - Nội dung của phần mở bài, thân bài, kết bài. | - Tích hợp.  - Quy nạp | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 3 | **Xây dựng đoạn văn trong văn bản** | 10 | KT: - Khái niệm đoạn văn, từ ngữ chủ đề, câu chủ đề, quan hệ giữa các câu trong một đoạn văn  KN: - Nhận biết từ ngữ chủ đề, câu chủ đề, quan hệ giữa các câu trong một đoạn văn đã cho  - Hình thành từ ngữ chủ đề, viết các từ ngữ và câu chủ đề, viết các câu liền mạch theo chủ đề và quan hệ nhất định.  - Trình bày một đoạn văn theo kiểu quy nạp, diễn dịch, song hành, tổng hợp | - Thế nào là đoạn văn.  - Từ ngữ và câu trong đoạn văn:  + từ ngữ chủ để và câu chủ đề của đoạn văn.  + Cách trình bày nội dung đoạn văn. | - Tích hợp.  - Quy nạp | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 3 | **Viết bài tập làm văn số 1** | 11-12 | KT: - Củng cố lại kiến thức về văn tự sự ở lớp 6 có kết hợp với văn biểu cảm ở lớp 7.  - Đánh giá kết quả học tập của học sinh.  KN: - Rèn kĩ năng viết văn tự sự. | Củng cố lại kiến thức về văn tự sự ở lớp 6 có kết hợp với văn biểu cảm ở lớp 7. | - Làm bài tại lớp | Đề, đáp án, biểu điểm |  |
| 4 | **Liên kết các đoạn văn trong văn bản** | 16 | KT: - Sự liên kếtgiữa các đoạn, các phương tiện liên kết đoạn (từ kiên kết và câu nối)  - Tác dụng của việc liên kết các đoạn văn trong quá trình tạo lập văn bản.  KN: - Nhận biết, sử dụng các câu, các từ có chức năng, tác dụng liên kết đoạn trong một văn bản | - Tác dụng của việc liên kết các đoạn văn trong văn bản.  - Cách liên kết các đoạn văn trong văn bản | - Tích hợp  - Quy nạp | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 5 | **Tóm tắt văn bản tự sự** | 18 | KT: - Các yêu cầu đối với việc tóm tắt văn bản tự sự.  KN: - Đọc – hiểu, nắm bắt được toàn bộ cốt truyện của văn bản tự sự.  - Phân biệt sự khác nhau giữa tóm tắt khái quát và tóm tắt chi tiết.  - Tóm tắt văn bản phù hợp với yêu cầu sử dụng. | - Thế nào là tóm tắt văn bản tự sự.  - Cách tóm tắt văn bản tự sự;  + Những yêu cầu đối với văn bản tóm tắt.  + Các bước tóm tắt văn bản | - Tích hợp.  - Gợi tìm – Thảo luận  - Quy nạp. | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| **Luyện tập tóm tắt văn bản tự sự** | 19 | KT: - Các yêu cầu đối với việc tóm tắt văn bản tự sự.  KN: - Đọc – hiểu, nắm bắt được toàn bộ cốt truyện của văn bản tự sự.  - Phân biệt sự khác nhau giữa tóm tắt khái quát và tóm tắt chi tiết.  - Tóm tắt văn bản phù hợp với yêu cầu sử dụng. | - Những yêu cầu tóm tắt văn bản tự sự:  + Đọc kĩ để hiểu đúng chủ đề tác phẩm.  + Xác định nội dung chính cần tóm tắt.  + Sắp xếp các nội dung.  + Viết văn bản tóm tắt. | - Học sinh viết văn bản.  - Trao đổi – đánh giá | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| **Trả bài Tập làm văn số 1** | 20 | KT: - Củng cố lại kiến thức về văn tự sự ở lớp 6 có kết hợp với văn biểu cảm ở lớp 7.  - Đánh giá kết quả học tập của học sinh.  KN : - Rèn kĩ năng viết văn tự sự.  - Biết nhận xét những ưu, nhược điểm của bài viết. | - Ôn tập kiến thức về kiểu văn bản tự sự kết hợp với việc tóm tắt văn bản tự sự.  - Rèn luyện các kỹ năng về ngôn ngữ và kỹ năng xây dựng văn bản. | - N. xét đánh giá đề ra hướng khắc phục. | Tập bài chấm, bảng điểm, nhận xét |  |
| 6 | **Miêu tả và biểu cảm trong văn bản tự sự** | 24 | KT: - Vai trò của yếu tố kể trong văn bản TS  - Vai trò của các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn bản TS  - Sự k/hợp các yếu tố miêu tả và biểu lộ tình cảm trong VBTS  KN: - Nhận ra và phân tích được t/d của các y/tố miêu tả và biểu cảm trong một bài văn TS   * S/d k/hợp các y/tố miêu tả và biểu cảm trong làm văn TS | - Sự kết hợp giữa các yếu tố kể và biểu lộ cảm xúc trong văn tự sự | - Tích hợp  - Gợi tìm – thảo luận | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 7 | **Luyện tập viết đoạn văn TS k/hợp với mtả và biểu cảm** | 28 | KT: - Sự k/hợp các y/tố kể, tả và biểu lộ t/cảm trong VBTS.  KN : - Thực hành s/d k/hợp các y/tố mtả và biểu cảm trong làm văn kể chuyện  - Viết đoạn văn TS có s/d các y/tố mtả và b/cảm có độ dài khoảng 90 chữ. | - Những gợi ý cụ thể về quy trình tiến hành viết văn theo 5 bước. | - Thực hành củng cố kiến thức.  - Tích hợp | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 8 | **Lập dàn ý cho bài văn TS k/hợp với mtả và b/cảm** | 32 | KT: - Cách lập dàn ý cho VBTS có s/d y/tố mtả và b/cảm.  KN :  - Xây dựng bố cục, sắp xếp các ý cho bài văn TS k/hợp với mtả và b/cảm ;  - Viết một bài văn TS có s/d y/tố mtả và b/cảm có độ dài khoảng 450 chữ | - Tìm hiểu và nhận biết dàn ý 3 phần của bài văn tự sự.  - Cách đưa các yếu tố miêu tả và biểu cảm vào bài văn tự sự. | - Quy nạp  - Tích hợp. | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 9 | **Viết bài tập làm văn số 2** | 35-36 | KT: - Củng cố lại kiến thức về văn tự sự ở lớp 6 có kết hợp với văn biểu cảm ở lớp 7.  - Đánh giá kết quả học tập của học sinh.  KN: - Rèn kĩ năng viết văn tự sự kết hớp với mtả và b/cảm. | - Củng cố lại kiến thức về văn tự sự ở lớp 6 có kết hợp với văn biểu cảm ở lớp 7.  - Đánh giá kết quả học tập của hs | - Bài làm tại lớp | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 11 | **Luyện nói: Kể chuyên theo ngôi k/hợp với mtả và b/cảm.** | 42 | KT :- Ngôi kể và tác dụng của việc thay đổi ngôi kể trong văn TS.  - Sự k/hợp các y/tố mtả và b/cảm trong VTS.  - Những y/cầu khi trình bày văn nói kể chuyện.  KN : - Kể được một câu chuyện theo nhiều ngôi kể khác nhau ; biết lựa chọn ngôi kể phù hợp với câu chuyện được kể.  - Lập dàn ý một bài văn TS có s/d y/tố mtả và b/cảm.  - Diễn đạt trôi chảy, gãy gọn, biểu cảm, sinh động câu chuyện k/hợp s/d các yếu tố phi ngôn ngữ. | - Ôn lại về ngôi kể  - Ngôi kể và tác dụng của việc thay đổi ngôi kể trong văn TS.  - Sự k/hợp các y/tố mtả và b/cảm trong VTS.  - Những y/cầu khi trình bày văn nói kể chuyện. | - Chuẩn bị ở nhà vào lớp trình bày | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| **Tìm hiểu chung về văn bản thuyết minh** | 44 | KT: - Đặc điểm cảu VBTM  - Ý nghĩa, phạm vi s/d của VBTM.  - Yêu cầu của một bài văn thuyết minh (về nội dung, ngôn ngữ,..)  KN: - Nhận biết VBTM ; phân biệt VBTM và các kiểu VB đã học trước đó.  - Trình bày các tri thức có t/chất khách quan, khoa học thông qua nhựng tri thức của môn Ngữ văn và các môn học khác. | - Vai trò và đặc điểm chung của văn bản thuyết minh:  + Tri thức trong văn bản thuyết minh phải khách quan, phải xác thực.  + Cần trình bày chính xác, rõ ràng, chặt chẽ và hấp dẫn. | - Gợi tìm  - Qui nạp | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 12 | **Phương pháp thuyết minh** | 47 | KT: - Kiến thức về VBTM (trong cụm các bài học về VBTM đã học và sẽ học).  - Đặc điểm, tác dụng của các phương pháp thuyết minh  KN: - Nhận biết và vận dụng các phương pháp thuyết minh thông dụng.  - Rèn luyện khả năng quan sát để nắm bắt được bản chất sự việc.  - Tích luỹ và nâng cao tri thức đời sống.  - Phối hợp s/d các phương pháp thuyết minh để tạo lập VBTM theo y/cầu.  - Lựa chọn phương pháp phù hợp như định nghĩa, so sánh, phân tích, liệt kê để thuyết minh về nguồn gốc, đặc điểm, công dụng của đối tượng. | - Các phương pháp thuyết minh:  + Quan sát, học tập, tích lũy tri thức để làm văn bản.  + Có nhiều phương pháp: Nêu định nghĩa giải thích, liệt kê, nêu ví dụ, dùng số liệu, so sánh, phân loại phân tích. . . | - Tích hợp  - Quy nạp | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ. |  |
| 12 | **Trả bài Kiểm tra Văn, bài Tập làm văn số 2** | 48 | KT: - Củng cố. hệ thống lại kiến thức từ các truyện kí hiện đại Việt Nam đã học  - Vận dụng vào việc kể chuyện có s/d k/hợp với mtả và b./cảm  - Đánh giá kết quả học tập của học sinh.  KN: - Rèn kĩ năng viết văn tự sự, kĩ năng lựa chọn phương án trả lời đúng trong câu hỏi trắc nghiệm.  - Biết nhận xét những ưu, nhược điểm của bài viết. | - Thống kê, phân loại đề ra hướng khắc phục.  - Củng cố. hệ thống lại kiến thức từ các truyện kí hiện đại Việt Nam đã học  - Vận dụng vào việc kể chuyện có s/d k/hợp với mtả và b./cảm  - Đánh giá kết quả học tập của học sinh. | - HS tự nhận xét làm bài, GV nhận xét bồ sung | Giáo án  Tập bài chấm, bảng điểm, nhận xét  Bảng phụ. |  |
| 13 | **Đề văn thuyết minh và cách làm bài văn thuyết minh** | 51 | KT: - Đề văn thuyết minh  - Yêu cầu cần đạt khi làm một bài văn thuyết minh  - Cách quan sát, tích luỹ tri thức và vận dụng các phương pháp để làm bài văn thuyết minh.  KN: - Xác định y/cầu của một bài văn TM  - Quan sát nắm được đặc điểm, cấu tạo, nguyên lí vận hành, công dụng, … của đối tượng cần thuyết minh.  - Tìm ý, lập dàn ý, tạo lập một VBTM | - Đề bài văn thuyết minh, cách làm bài văn thuyết minh.  - Yêu cầu cần đạt khi làm một bài văn thuyết minh  - Cách quan sát, tích luỹ tri thức và vận dụng các phương pháp để làm bài văn thuyết minh. | - Quy nạp  - Tích hợp | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 14 | **Luyện nói: Thuyết minh về một thứ đồ dùng** | 54 | KT: - Cách tìm hiểu, quan sát và nắm được đặc điểm cấu tạo, công dụng,.. của những vât dụng gần gũi của bản thân  - Cách x/d trình tự các nộ dung cần trình bày bằng ngôn ngữ nói về một thứ đồ dùng trước lớp  KN : - Tạo lập VBTM.  - S/d ngôn ngữ dạng nói trình bày chủ động một thứ đồ dùng trước tập thể | - Xem lại phương pháp thuyết minh, thuyết minh đúng phương pháp.  - Hướng dẫn HS tập nói nghiêm túc, nói thành câu trọn vẹn, dùng từ đúng, phát âm rõ ràng, . . | - Chia tổ tập nói các em nói với nhau.  - Cử đại diện trình bày trước lớp. | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| **Viết bài tập làm văn số 3** | 55-56 | KT :  - Củng cố lại kiến thức về văn thuyết minh  - Đánh giá kết quả học tập của học sinh.  KN: - Rèn kĩ năng viết văn thuyết minh. | - Cho học sinh tập dượt làm bài thuyết minh để kiểm tra toàn diện các kiến thức đã học về loại bài này |  | ĐỀ KIỂM TRA |  |
| 16 | **Thuyết minh về một thể loại văn học** | 61 | KT: - Sự đa dạng đối tượng được giới thiệu trong VBTM.  - Việc vận dụng kết quả quan sát, tìm hiểu về một số tác phẩm cùng thể kloại để làm bài văn TM về một thể loại VH.  KN: - Quan sát đặc điểm hình thức của một thể loại văn học  - Tìm ý, lập dàn ý cho bài văn TM về một thể loại VH  - Hiểu và cảm thụ được giá trị nghệ thuật của thể loại VH đó. | - Từ quan sát đến mô tả, nhận xét. Sau đó khái quát thành những đặc điểm.  - Biết lựa chọn những đặc điểm.  -Việc vận dụng kết quả quan sát, tìm hiểu về một số tác phẩm cùng thể kloại để làm bài văn TM về một thể loại VH. | - Tích hợp  - Quy nạp | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| **Trả bài Tập làm văn số 3** | 64 | KT :- Củng cố lại kiến thức về văn thuyết minh  - Đánh giá kết quả học tập của học sinh.  KN :  - Rèn kĩ năng viết văn thuyết minh. | - Đánh giá bài làm theo nội dung và yêu cầu của văn bản. Hình thành cho HS năng lực tự đánh giá và sửa chữa. | - HS tự đánh giá, GV nhận xét tổng kết | Giáo án  Tập bài chấm, bảng điểm, nhận xét |  |
| 18 | **Kiểm tra tổng hợp kì I** | 68-69 | KT :  - Củng cố lại kiến thức đã học trong chương trình kì I (ở cả 3 phân môn)  - Đánh giá kết quả học tập của học sinh.  KN :  - Rèn kĩ năng làm bài tổng hợp | \* Giúp học sinh:  - Nhận xét chung về bài làm kiểm tra của học sinh.  - Sửa chữa sai sót trong quá trình làm bài của HS  - Thống kê chất lượng bài làm của các em | Đánh giá chung, vấn đáp, diễn giảng | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 19 | **HĐNV: Làm thơ 7 chữ** | 70-71 | KT :  - Những yêu cầu tối thiểu khi làm thơ 7 chữ.  KN :  - Nhận biết thơ 7 chữ.  - Đặt câu thơ 7 chữ với các yêu cầu đối, nhịp, vần,… | - Khả năng vận dụng linh hoạt theo hướng tích hợp các kiến thức và kỹ năng ở cả ba phần của môn học  - Năng lực vận dụng tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm trong một bài viết và kỹ năng TLV nói chung để viếtđược một bài văn. | Trắc nghiệm, tự luận | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 19 | **Trả bài kiểm tra tổng hợp** | 72 | KT: - Củng cố lại kiến thức đã học trong chương trình kì I (ở cả 3 phân môn)  - Đánh giá kết quả học tập của học sinh.  KN : - Rèn kĩ năng làm bài tổng hợp | - Nhận xét, đánh giá chung về bài làm của học sinh.  - sửa sai sót, thống kê chất lượng | Đáng giá, vấn đáp, diễn giảng | Giáo án  Tập bài chấm, bảng điểm, nhận xét  Bảng phụ, |  |
| 20 | **Viết đoạn văn trong văn bản thuyết minh** | 76 | KT: - Kiến thức về đoạn văn, bài văn TM.  - Y/ cầu viết đoạn văn TM.  KN: - Xác định được chủ đề, sắp xếp và phát triển ý khi viết đoạn văn TM.  - Diến đạt rõ ràng, chính xác.  - Viết một đoạn văn TM có độ dài 90 chữ. | - Biết cách viết một đoạn văn thuyết minh: cần trình bày rõ ý chủ để của đọan, các ý trong đoạn văn nên sắp xếp theo thứ tự cấu tạo của sự vật, thứ tự nhận thức, thứ tự diễn biến sự việc. | - Tích hợp, vấn đáp, diễn giảng | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 21 | **Thuyết minh về một Phương pháp (cách làm)** | 80 | KT: - Sự đa dạng về đối tượng được giới thiệu trong VBTM.  - Đặc điểm, cách làm bài văn TM.  - Mục đích, y.cầu, cách quan sát và cách làm bài văn TM về 1 phương pháp (cách làm)  KN: - Quan sát đối tượng thiuết minh : một phương pháp (cách làm).  - Tạo lập được một VBTM theo y/cầu : biết viết một bài văn TM về 1 cách thức, phương pháp, cách làm có độ dài 300 chữ. | - Biết cách làm bài văn thuyết minh một phương pháp. Khi thuyết minh cần trình bày rõ ràng điều kiện, cách thức, trình tự. . . làm ra sản phẩm và yêu cầu chất lượng đối với sản phẩm đó. | - Tích hợp  -Vấn đáp  - Quy náp | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 22 | **Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh** | 83 | KT: - Sự đa dạng về đối tượng được giới thiệu trong VBTM.  - Đặc điểm, cách làm bài văn TM về danh lam thắng cảnh.  - Mục đích, y/cầu, cách quan sát và cách làm bài văn giới thiêu danh lam thắng cảnh  KN: - Quan sát danh lam thắng cảnh  - Đọc tài liệu, tra cứu, thu thập, ghi chép những chi thức khách quan về đối tượng để s/d trong bài văn TM về danh lam thắng cảnh  - Tạo lập được một VBTM theo y/cầu : biết viết một bài văn TM về 1 cách thức, phương pháp, cách làm có độ dài 300 chữ. | - Biết cách quan sát, nghiên cứu và viết bài giới thiệu một thắng cảnh. Hệ thống được kiến thức về văn bản thuyết minh. | - Tích hợp  - Vấn đáp  - Diễn giảng | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 22 | **Ôn tập về văn bản thuyết minh** | 84 | KT: - Khái niệm về VBTM.  - Các phương pháp TM.  - Y/cầu cơ bản khi làm văn TM.  - Sự phong phú, đa dạng về đối tượng cần giới thiệu trong VBTM.  KN: - Khái quát, hệ thống những kiến thức đã học.  - Đọc – hiểu y/cầu đề bài văn TM  - Quan sát đối tượng cần TM.  - Lập dàn ý, viết đoạn văn và bài văn TM. | - Ôn lại khái niệm về văn bản thuyết minh và nắm chắc cách làm bài văn thuyết minh. | - Tích hợp  - Vấn đáp | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 23 | **Viết bài tập làm văn số 5** | 87-88 | KT: - Củng cố lại kiến thức về văn thuyết minh  - Đánh giá kết quả học tập của học sinh.  KN: - Rèn kĩ năng viết văn thuyết minh. | - Làm đúng theo yêu cầu của bài văn thuyết minh, trình bày có bố cục, thứ tự mạch lạc, chuẩn xác, dễ hiểu. |  | Đề, đáp án và biểu điểm |  |
| 24 | **Chương trình địa phương (Phần Tập làm văn)** | 92 | KT: - Những hiểu biết về danh lam thắng cảnh của quê hương.   * Các bước chuẩn bị và trình bày VBTM về di   tích lịch sử (danh lam thắng cảnh) ở địa phương.  KN: - Quan sát, tìm hiểu, nghiên cứu,… về đối tượng TM cụ thể là danh lam thắng cảnh của quê hương.  - Kết hợp các phương pháp, các yếu tố miêu tả, biểu cảm, tự sự, nghị luận để tạo lập một VBTM | - Vận dụng kĩ năng làm bài thuyết minh, tự giác tìm hiểu di tích, thắng cảnh ở quê hương mình. Nâng cao lòng yêu quí quê hương. | - Đàm thọai  - Tích hợp | Đọc tài liệu,  Bảng phụ |  |
| 25 | **Trả bài viết Tập làm văn số 5** | 96 | KT : - Củng cố lại kiến thức về văn thuyết minh  - Đánh giá kết quả học tập của học sinh.  KN :  - Rèn kĩ năng viết văn thuyết minh. | - Đánh giá tòan diện kết quả học bài “Văn bản thuyết minh”. | - Đọc  - Đánh giá | Giáo án  Tập bài chấm, bảng điểm, nhận xét  Bảng phụ, |  |
| 26 | **Ôn tập về luận điểm** | 99 | KT : - Khái niệm luận điểm.  - Q/hệ giữa l/điểm với v/đề nghị luận, q/h giữa các l/điểm trong bài văn NL.  KN: - Tìm hiểu, nhận biết, phân tích l/điểm  - Sắp xếp các l/điểm trong bài văn NL. | - Nắm vững hơn nữa khái niệm luận điểm. Thấy rõ hơn nữa mối quan hệ giữa luận điểm với vấn đề nghị luận và giữa các luận điểm với nhau trong một bài văn nghị luận. | - Tích hợp, vấn đáp, thảo luận. | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| **Viết đoạn văn trình bày luận điểm** | 100 | KT :  - Nhận biết, phân tích được cấu trúc của đoạn văn NL  - Biết cách viết đoạn văn trình bày luận điểm theo hai phương pháp diễn dịch và quy nạp  KN :  - Viết đoạn văn diễn dịch và quy nạp.  - Lựa chọn ngôn ngữ diễn đạt trong đoạn văn NL.  - Viết một đoạn văn NL trình bày l/điểm có độ dài 90 chữ về một vấn đề chính trị hoặc XH | - Nhận thức được ý nghĩa quan trọng của việc trình bày luận điểm trong một bài văn nghị luận.  - Biết cách viết đoạn văn trình bày một luận điểm theo cách diễn dịch và quy nạp. | On tập, Thực hành | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 26 | **Luyện tập xây dựng và trình bày luận điểm** | 102 | KT : - Cách x/d và trình bày luận điểm theo phương pháp diễn dịch, quy nạp. Vận dụng trình bày l/điểm trong một bài văn NL  KN :  - Nhận biết sâu hơn về l/điểm.  - Tìm các luận cứ, trình bày l/điểm thuần thục hơn. | - Nhận thức được ý nghĩa quan trọng của việc trình bày một luận điểm trong bài văn nghị luận. Biết cách viết đoạn văn trình bày các luận điểm theo cách diễn dịch và quy nạp. | - Tích hợp  - Quy nạp | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 27 | **Viết bài tập làm văn số 6** | 103  -  104 | KT : - Củng cố lại kiến thức về trình bày l/điểm trong một bài văn NL  - Đánh giá kết quả học tập của học sinh.  KN : - Rèn kĩ năng viết văn NL. | - Viết tốt bài văn nghị luận | Tự luận | Đề, đáp án và biểu điểm |  |
| 28 | **Tìm hiểu yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận** | 107,  108 | KT : - Lập luận là phương thức biểu đạt chính trong văn NL.  - Biểu cảm là y/tố hỗ trợ cho lập luận, góp phần tạo nên sức lay động, truyền cảm của bài văn NL.  KN :  - Nhận biết y/tố biểu cảm và t/d của nó trong bài văn NL.  - Đưa y/tố biểu cảm vào bài văn NL hợp lí, có hiệu quả, phù hợp với lô-gíc lập luận của bài văn NL. | - Biểu cảm là một yếu tố không thể thiếu trong những bài văn nghị luận hay, có sức lay đông người đọc. Nắm được yêu cầu cần thiết của việc đưa yếu tố biểu cảm vào bài văn nghị luận, để sự nghị luận có thể đạt được hiệu quả thiết thực cao hơn. | - Tích hợp  - Vấn đáp  - Thảo luận | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 29 | **Luyện tập đưa yếu tố biểu cảm vào bài văn nghị luận** | 112 | KT: - Hệ thống kiến thức về VNL  - Cách đưa y/tố biểu cảm vào bài văn NL  KN : - Xác định c/xúc và biết cách diễn đạt c/xúc đó trong bài văn NL. | - Thông qua việc luyện tập, nắm chắc hơn cách đưa yếu tố biểu cảm vào bài văn nghị luận. | - GV ra đề cho HS chuẩn bị ở nhà vào lớp trình bày. | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 30 | **Trả bài tập làm văn số 6** | 115 | KT :  - Củng cố lại kiến thức về trình bày l/điểm trong một bài văn NL  - Đánh giá kết quả học tập của học sinh.  KN :  - Rèn kĩ năng viết văn NL. | - Đánh giá chung về bài làm của HS  - Giúp HS nhận ra ưu điểm, khuyết điểm của mình trong bài văn thuyết minh.  - Hướng dẫn các em lập dàn ý và tự sửa lỗi chính tả, lỗi dùng từ, lỗi đặt câu còn sai trong quá trình làm bài.  - Thống kê chất lượng và bài làm hay của HS cho cả lớp nghe | Vấn đáp, diễn giảng. Đối thoại | Giáo án  Tập bài chấm, bảng điểm, nhận xét  Bảng phụ, |  |
| **Tìm hiểu yếu tố tự sự và miêu tả trong văn nghị luận** | 116 | KT : - Hiểu sâu hơn về văn NL, thấy được tự sự và m/tả là những y/tố rất cần thiết trong bài văn NL.  - Nắm được cách thức cơ bản khi đưa các y/tố tự sự và m/tả vào trong đoạn văn NL.  KN : - Nhận biết y/tố biểu cảm và t/d của nó trong bài văn NL.  - Đưa y/tố biểu cảm vào bài văn NL hợp lí, có hiệu quả, phù hợp với lô-gíc lập luận của bài văn NL. | - Sự cần thiết của yếu tố tự sự và biểu cảm trong văn nghị luận.  - Các yếu tố tự sự và miêu tả dùng làm luận cứ phải phục vụ cho việc làm rõ luận điểm, không phá vỡ mạch lạc nghị luận của văn bản | - Tích hôïp  - Quy naïp | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 31 | **Luyện đưa các yếu tố tự sự và miêu tả vào bài văn nghị luận** | 120 | KT: - Hệ thống kiến thức đã học về văn NL.  - Tầm quan trong của yếu tố tự sự và m/tả trong bài văn NL  KN: - Tiếp tục rèn kĩ năng viết bài văn NL.  - Xác điịnh và lập hệ thống l/điểm cho bài văn NL.  - Biết lựa chọn các yếu tố tự sự và m/tả cần thiết và biết cách đưa các yếu tố đó vào đoạn văn, bài văn NL một cách thuần thục hơn.  - Biết cách đưa yếu tố tự sự và m/tả vào một bài văn NL có độ dài 450 chữ. | - Thông qua việc luyện tập, nắm chắc hơn cách đưa các yếu tố tự sự và miêu tả vào bài văn nghị luận.  - Cần nắm các bước: định hướng làm bài, xác lập luận điểm, sắp xếp luận điểm, vận dụng yếu tố tự sự và miêu tả. | - HS chuaån bò ôû nhaø thöïc haønh treân lôùp | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 32 | **Viết bài tập làm văn số 7** | 123  -  124 | KT: - Vận dụng kĩ năng đưa các yếu tố biểu cảm, tự sự và miêu tả vào việc viết bài văn chứng minh hoặc giải thích một vấn đề xã hội.  - Đánh giá kết quả học tập của học sinh.  KN: - Rèn kĩ năng viết văn NL. | Vận dụng kĩ năng đưa các yếu tố biểu cảm, tự sự và miêu tả vào việc viết bài văn chứng minh hoặc giải thích một vấn đề xã hội. |  | Đề, đáp án và biểu điểm |  |
| 33 | **Văn bản tường trình** | 127 | KT:- Hệ thống kiến thức về VB hành chính.  - Mục đích, yêu cầu và quy cách làm một VB tường trình  KN: - Nhận diện và phân biệt VB tường trình với các VB hành chính khác.  - Tái hiện một số sự việc trong VB tường trình. | - Đặc điểm của văn bản tường trình.  - Cách làm văn bản tường trình. | Vấn đáp giải thích, minh hoạ, phân tích cắt nghĩa; nêu và giải thích vấn đề, thảo luận nhóm, | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 33 | **Luyện tập làm văn bản tường trình** | 128 | KT: - Hệ thống kiến thức về VB hành chính.  - Mục đích, y/cầu , cấu tạo của một VB tường trình  KN: - Nhận biết ró hơn tình huống cần viết VB tường trình.  - Quan sát và nắm được trình tự sự việc để tường trình.  - Nâng cao một bước kĩ năng tạo lập VB tường trình và viết được một VB tường trình đúng quy cách. | - Giúp HS: -Ông tập lại kiến thức về văn bản tường trình: Mục đích, yêu cầu, cấu trúc của 1 bản tường trình.  -Nâng cao năng lực viết tường trình. | Vấn đáp giải thích, minh hoạ, phân tích cắt nghĩa; nêu và giải thích vấn đề, thảo luận nhóm, ….. | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 34 | **Trả bài tập làm văn số 7** | 131 | KT : - Vận dụng kĩ năng đưa các yếu tố biểu cảm, tự sự và miêu tả vào việc viết bài văn chứng minh hoặc giải thích một vấn đề xã hội.  - Đánh giá kết quả học tập của học sinh.  KN: - Rèn kĩ năng viết văn NL. | - Đánh giá ưu, mhược điểm của bài TLV và sửa chữa được các lỗi trong bài làm |  | Giáo án  Tập bài chấm, bảng điểm, nhận xét  Bảng phụ. |  |
| 35 | **Ôn tập phần Tập làm văn** | 134 | KT: - Các kiểu câu nghi vấn, câu cầu khiến, cảm thán, trần thuật, phủ định.  - Các hành động nói.  - Cách thực hiện hành động nói bằng các kiểu câu khác nhau  KN : - S/d các kiểu câu phù hợp với hành động nói để thực hiện các mục đích giao tiếp khác nhau.  - Lựa chọn trật tự từ phù hợp đẻ tạo câu có sắc thái khác nhau trong giao tiếp và làm văn | - Hệ thống hóa kiến thức  - Nắm chắc khái niệm va cách làm bài. | Vấn đáp giải thích, minh hoạ, phân tích cắt nghĩa; nêu và giải thích vấn đề, thảo luận nhóm, | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| **Trả bài kiểm tra tổng hợp cuối năm** | 135  -  136 | KT: - Củng cố lại kiến thức đã học trong chương trình kì II (ở cả 3 phân môn)  - Đánh giá kết quả học tập của học sinh.  KN: - Rèn kĩ năng làm bài tổng hợp | Kiểm tra nội dung chương trì nh học kỳ II, khắc sâu kiến thức đã học |  | Giáo án  Tập bài chấm, bảng điểm, nhận xét  Bảng phụ. |  |
| 36 | **Văn bản thông báo** | 137 | KT: - Hệ thống kiến thức về VB hành chính.  - Mục đích, y/cầu và nôi dung của VB hành chính có nôi dung thông báo  KN: - Nhận biết rõ được hoàn cảnh phải tạo lập và s/d VB thông báo.  - Nhận diện và phân biệt VB có chức năng thông báo với các VB hành chính khác.  - Tạo lập một VB hành chính và chức năng thông báo. | - Đặc điểm của văn bản thông báo là truyền đạt thông tin.  - Tình huống và các làm văn bản thông báo. | Vấn đáp giải thích, minh hoạ, phân tích cắt nghĩa; nêu và giải thích vấn đề, thảo luận nhóm, | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 37 | **Luyện tập làm văn bản thông báo** | 139 | KT: - Hệ thống kiến thức về VB hành chính.  - Mục đích, y/cầu cấu tạo của VB thông báo.  KN: - Nhận biết và thạo tình huống cần viết VB thông báo.  - Nắm bắt sự việc, lựa chọn các thông tin cần truyền đạt.  - Tự học bằng cánh vận dụng kiến thức ở giờ học trước để thực hành nâng cao kĩ năng tạo lập VB, viết được một VB thông báo đúng quy cách. | - Ôn lại những tri thức về văn bản thông báo: mục đích yêu cầu, cấu tạo của một thông báo.  - Nâng cao năng lực viết thông báo. | Vấn đáp giải thích, minh hoạ, phân tích cắt nghĩa; nêu và giải thích vấn đề, thảo luận nhóm, ….. | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| **Trả bài kiểm tra tổng hợp** | 140 | KT: - Củng cố lại kiến thức đã học trong chương trình kì II (ở cả 3 phân môn)  - Đánh giá kết quả học tập của học sinh.  KN : - Rèn kĩ năng làm bài tổng hợp | Giúp học sinh thấy được ưu, khuyết điểm của bài làm và hướng sửa chữa |  | Giáo án  Tập bài chấm, bảng điểm, nhận xét  Bảng phụ. |  |

**3 .VĂN HỌC 8:**

| **Tuần** | **Tên chương /Bài** | **Tiết** | **Mục tiêu của chương / bài** | **Kiến thức trọng tâm** | **Phương pháp GD** | **Chuẩn bị**  **của GV, HS** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | **Tôi đi học** | 1-2 | KT : - Cốt truyện, nhân vật, sự kiện trong đoạn trích *Tôi đi học.*  - Nghệ thuật miêu tả tâm lí trẻ nhỏ ở tuổi đến trường trong một văn bản tự sự qua ngòi bút của Thanh Tịnh.  KN: - Đọc – hiểu đoạn trích tự sự có yếu tố miêu tả và biểu cảm.  - Trình bày nhưng suy nghĩ, tình cảm về một sự việc trong cuộc sống bản thân. | - Phân tích thấy tâm trạng hồi hộp, cảm giác bỡ ngỡ của nhân vật “tôi” trong buổi tựu trường đầu tiên.  - Nghệ thuật tự sự xen miêu tả | - Tích hợp.  - Gợi tìm – thảo luận.  -Bình giảng | - Giáo án  - Tranh ảnh về ngày tựu trường  - Bảng phụ. |  |
| 2 | **Trong lòng mẹ.** | 5,6 | KT : - Khái niệm thể loại hồi kí.  - Cốt truyện, nhân vật, sự kiện trong đoạn trích *Trong lòng mẹ*.  - Ngôn ngữ truyện thể hiện niềm khát khao tình cảm ruột thịt cháy bỏng của nhân vật.  1. ý nghĩa giáo dục : những thành kiến cổ  hủ, nhỏ nhen, độc ác không thể làm khô héo tình cảm ruột thịt sâu nặng, thiêng liêng.  KN: - Bước đầu biết đọc – hiểu một văn bản hồi kí. Vận dụng kiến thức về sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn bản tự sự để phân tích tác phẩm truyện. | - Cách viết cảm động chân thực, đoạn văn thể hiện nổi cay đắng, tuổi nhục cùng tình yêu thương cháy bỏng của nhà văn thời thơ ấu đối với người mẹ bất hạnh của mình. | - Tích hợp.  - Gợi tìm – thảo luận.  - Bình giảng | Đọc tài liệu, ảnh chân dung Nguyên Hồng và cuốn ***Những ngày thơ ấu***,  SGK, SGV, bảng phụ |  |
| 3 | **Tức nước vỡ bờ** | 9 | KT: - Cốt truyện, nhân vật, sự kiện trong đoạn trích *Tức nước vỡ bờ.*  - Giá trị hiện thực và nhân đạo qua một đoạn trích trong tác phẩm *Tắt đèn*.  - Thành công của nhà văn trong việc tạo tình huống truyện, miêu tả, kể chuyện và xây dựng nhân vật.  KN: - Tóm tắt văn bản truyện.  - Vận dụng kiến thức về sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn bản tự sự viết theo huynh hường hiện thực. | - Phân tích bút pháp hiện thực sinh động. Thấy được bộ mặt tàn ác, bất nhân của xã hội thực dân phong kiến đượng thời; đồng thời còn cho thấy vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ nông dân. | - Tích hợp  - Gợi tìm – thảo luận  - Bình giảng | - Giáo án  - Tác phẩm "Tắt đèn" của Ngô Tất Tố  - Bảng phụ, thước kẻ |  |
| 4 | **Lão Hạc** | 13-14 | KT : - Nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm viết theo khuynh hướng hiện thực.  - Sự thể hiện tinh thần nhân đạo của nhà văn.  - Tài năng nghệ thuật xuất sắc của nhà văn Nam Cao trong việc xây dựng tình huống truyện, miêu tả, kể chuyện, khắc hoạ hình tượng nhân vật.  KN: - Đọc diễn cảm, hiểu, tóm tắt được tác phẩm truyện viết theo huynh hướng hiện thực  - Vận dụng kiến thức về sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn bản tự sự để phân tích tác phẩm tự sự viết theo huynh hướng hiện thực. | - Phân tích bút pháp hiện thực cảm động và việc miêu tả tâm lý nhân vật đặc sắc.  - Số phận đau thương của người nông dân trong xã hội cũ lòng yêu thương trân trọng đối với người nông dân của Nam Cao | - Gợi tìm – thảo luận.  - Bình giảng | Giáo án  Tranh ảnh chân dung Nam Cao  Bảng phụ  Thước |  |
| 6 | **Cô bé bán diêm** | 21-22 | KT : - Những hiểu biết bước đầu về *người kể chuyện cổ tích*  An-đéc-xen.  - Nghệ thuật kể chuyện, cách tổ chức các yếu tố hiện thực và mộng tưởng trong tác phẩm.  - Lòng thương cảm của tác giả đối với em bé bất hạnh.  KN : - Đọc diễn cảm, hiểu, tóm tắt được tác phẩm.  - Phân tích được một số hình ảnh tương phản (đối lập, đặt gần nhau, làm nổi bật lẫn nhau)  - Phát biểu cảm nghĩ về một đoạn truyện. | - Phân tích thấy cách kể chuyện hấp dẫn, đan xen giữa hiện thực và mộng tưởng với các tình tiết diễn biến hợp lí.  - Lòng thương cảm đối với em bé bất hạnh. | - Gợi tìm – thảo luận.  - Bình giảng | - Giáo án  - Tranh minh hoạ theo SGK trang 65  - Bảng phụ. |  |
| 7 | **Đánh nhau với cối xay gió** | 25-26 | KT : - Đặc điểm thể loại truyện với nhân vật, sự kiện, diễn biến truyện qua một đoạn trích của tác phẩm *Đôn Ki-hô-tê.*  - Ý nghĩa của cặp n/vật bất hủ mà Xéc-van-tét đã góp vào văn học nhân loại : Đôn Ki-hô-tê và Xan-chô Pan-xa.  KN : - Nắm bắt diễn biến của các sự kiện trong đoạn trích.  - Chỉ ra những chi tiết tiêu biểu cho tính cách mỗi n/vật (Đôn Ki-hô-tê và Xan-chô Pan-xa) được miêu tả trong đoạn trích. | - Phân tích thấy sự tương phản giữa Đônki hô – tê và Xan – chô – Pan – xa.  - Đônki – hô – tê thật sự buồn cười nhưng cơ bản có những nét đáng quý.  - Xan – chô – Pan – xa có những mặt tốt song cũng bộc lộ nhiều điểm đáng chê trách. | - Đối chiếu so sánh.  - Gợi tìm – thảo luận.  - Bình giảng | Giáo án  Tranh minh hoạ theo SGK trang 76  Bảng phụ. |  |
| 8 | **Chiếc lá cuối cùng** | 29-30 | KT : - N/vật, sự kiện, cốt truyện trong một tác phẩm truyện ngắn hiện đại Mĩ.  - Lòng cảm thông, sự sẻ chia giữa những nghệ sĩ nghèo.  - Ý nghĩa của tác phẩm nghệ thuật vì cuộc sống của con người.  KN :  - Vận dụng kiến thức về sự k/hợp các phương thức biểu đạt trong tác phẩm tự sự để đọc – hiểu tác phẩm.  - Phát hiện, phân tích đắc điểm nổi bật về nghệ thuật kể chuyện của nhà văn.  - Cảm nhận được ý nghĩa nhân văn sâu sắc của truyện. | - Phân tích cách xây dựng truyện có nhiều tình tiết hấp dẫn, sắp xếp chặt chẽ khéo léo, kết cấu đảo ngược tình huống.  - tình cảm yêu thương cao cả của những người cùng cảnh ngộ nghèo khổ. | - Gợi tìm – bình giảng. | Giáo án  Tranh minh hoạ theo SGK trang 86  Bảng phụ. |  |
| 9 | **Hai cây phong** | 33-34 | KT : - Vẻ đẹp và ý nghĩa h/ả 2 cây phong trong đoạn trích.  - Sự gắn bó giữa người hoạ sĩ với quê hương, với thiên nhiên và lòng biết ơn người thầy Đuy-sen.  - Cách xây dựng mạch kể ; cách mtả giàu hả và lời văn giàu cảm xúc.  KN : - Đọc – hiểu một VB có giá trị văn chương, phát hiện, phân tích những đặc sắc về nghệ thuật mtả, b/cảm trong một đoạn trích TS  - Cảm thụ vẻ đẹp sinh động, giàu sức b/cảm của các hả trong đoạn trích.*.* | - Phân tích thấy được cách miêu tả sinh động bằng ngòi bút đậm chất hội họa.  - Thể hiện tình yêu quê hương da diết và lòng xúc động về thầy Đuy – Sen người đã vun trồng ước mơ, hy vọng cho những đứa học trò. | - Tích hợp.  - Gợi tìm – thảo luận  - Bình giảng | Giáo án  Tranh minh hoạ theo SGK trang 97  Bảng phu. |  |
| 10 | **Ôn tậo truyện kí Việt Nam** | 38 | KT : - Sự giống và khác nhau cơ bản của các truyện kí đã học về các phương diện thể loại, phương thức biểu đạt, nôi dung, nghệ thuật.  - Những nét độc đáo về ND và NT của từng văn bản.  - Đặc điểm n/vật trong các t/p truyện.  KN: - Khái quát, hệ thống hoá và nhân xét về t/p VH trên một số phương diện cụ thể  - Cảm thụ nét riêng, độc đáo của t/p đã học.. | - Lập bảng thống kê những văn bảng truyện kí VN đã học từ đầu năm.  - Những điểm giống nhau và khác nhau về nội dung và nghệ thuật trog các bài 2,3,4.  - Trong các văn bản trên em thích nhân vật nào đoạn nào? | - Hỏi - đáp  - Thảo luận khắc sâu kiến thức | Đọc tài liệu, SGK, SGV.    Bảng phụ |  |
| 10 | **Thông tin về ngày Trái Đất năm 2000** | 39 | KT : - Mối nguy hai đến môi trường sống và sức khoẻ con người của thói quen dùng túi ni lông.  - Tính khả thi trong những đề xuất được tác giả trình bày.  - Việc s/d từ ngữ dễ hiểu, sự giải thích đơn giản mà sáng tỏ và bố cục chặt chẽ, hợp lí đã tạo nên tính thuyết phục cho VB.  KN :  - Tích hợp với phần Tập làm văn để tập viết bài văn thuyết minh.  - Đọc – hiểu một VBND đề cập đến một vấn đề xã hội bức thiết. | - Thấy được ý nghĩa bảo vệ môi trường hết sức to lớn của hành động tưởng như rất bình thường “Một ngày không dùng bao bì ni lon” | - Tích hợp  - Bình giảng | Giáo án  Bảng phụ,  Đọc tài liệu  - Tranh ảnh về ô nhiễm môi trường |  |
| 11 | **Kiểm tra Văn** | 41 | KT : - Củng cố lại kiến thức phần Văn cho HS  - Đánh giá kết quả học tập của học sinh.  KN : - Rèn kĩ năng phân tích tổng hợp kiến thức. | - Củng cố lại kiến thức phần Văn cho HS  - Đánh giá kết quả học tập của học sinh. | -Trắc nghiệm trên đề in sẳn | Đọc tài liệu, SGK, ĐÈ KIỂM TRA |  |
| 12 | **Ôn dịch thuốc lá** | 45 | KT : - Mối nguy hại ghê gớm toàn diện của tệ nghiện thuốc lá đối với sức khoẻ con người và đạo đức xã hội.  - Tác dụng của việc k/hợp các phương thức biểu đạt lập luận và thuyết minh trong văn bản.  KN : - Đọc – hiểu một VBND đề cập đến một vấn đề xã hội bức thiết.  - Tích hợp với phần Tập làm văn để viết bài văn thuyết minh một vấn đề của đời sống xã hội.  nghiện thuốc lá đối với sức khoẻ con người và đạo đức xã hội. | - Tác hại của ôn dịch thuốc lá  - Quyết tâm triệt để phòng chống ôn dịch | - Tích hợp  - Bình giảng | Giáo án  Tranh ảnh về tác hại của thuốc lá với con người và môi trường  Bảng phụ |  |
| 13 | **Bài toán dân số** | 49 | KT : - Sự hạn chế gia tăng dân số là *con đường tồn tại hay không tồn tại* của loài người.  - Sự chặt chẽ, khả năng thuyết phục của cách lập luận bắt đầu bằng một ccâu chuyện nhẹ nhàng mà hấp dẫn.  KN : - Tích hợp với phần Tập làm văn, vận dụng kiến thức đã học ở bài Phương pháp thuýet minh để đọc – hiểu, nắm bắt được vấn đề có ý nghĩa thời sự trong văn bản.  - Vận dụng vào việc viết bài thuyết minh. | - Dân số gia tăng con người sẽ tự làm hại mình, vì đất đai không sinh thêm. Hạn chế gia tăng dân số là một đòi hỏi tất yếu. | - Liên tưởng  - Bình giảng | - Giáo án  - Tranh ảnh  minh hoạ về dân số Việt Nam |  |
| 15 | **Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác** | 57 | KT : - Khí phách kiên cường, phong thái ung dung của nhà chí sĩ y/nước PBC trong h/cảnh tù ngục.  - Cảm hứng hào hùng, lãng mạn, giọng thơ mạnh mẽ, khoáng đạt được thể hiện trong bài thơ  KN : - Đọc – hiểu văn bản thơ thất ngôn bát cú Đường luật đầu thế kỉ XX  - Cảm nhận được giọng thơ, h/ả thơ ở các VB | - Phân tích thấy được giọng điệu hào hùng có sức lôi cuốn mạnh mẽ.  - Phong thái ung dung đường hoàng và khí phách kiên cường bất khuất vượt lên trên cảnh ngục tù khốc liệt cả người chiến sĩ yêu nước Phan Bội Châu. | - Gỡi tìm – thảo luận  - Bình giảng | - Giáo án  -Tranh ảnh về Phan Bội Châu  - Bảng phụ, thước, |  |
| **Đập đá ở Côn Lôn** | 58 | KT : - Sự mở rộng kiến thức về VH cách mạng đầu thế kỉ XX  - Chí khí lẫm liệt, phong thái đoàng hoàng của nhà chí sĩ yêu nước PCT.  - Cảm hứng hào hùng, lãng mạn được thể hiện trong bài thơ  KN : - Đọc – hiểu văn bản thơ yêu nước viết theo thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật.  - Phân tích được vẻ đẹp hình tượng nhân vật trữ tình trong bài thơ.  - Cảm nhận được giọng thơ, h/ả thơ ở các VB | - Phân tích thấy bút pháp lãng mạn và giọng điệu hào hùng.  - Cần nhận được vẽ đẹp lẫm liệt, ngang tàng của người anh hùng Phan Châu Trinh | - Gợi tìm  - bình giảng | - Giáo án  -Tranh ảnh về Phan Châu  Trinh  - Bảng phụ, thước, |  |
| 16 | **HDĐT: Muốn làm thằng Cuội** | 62 | KT :- Tâm sự buồn chán thực tại ; ước mơ thoát li rất *ngông* và tấm lòng yêu nước của Tản Đà  - Sự đổi mới về ngôn ngữ, giọng điệu, ý tứ, cảm xúc trong bài thơ *Muốn làm thằng Cuội*.  KN :  - Phân tích t/p để thấy được tâm sự của nhà thơ Tản Đà.  - Phát hiện, so sánh, thấy được sự đổi mới trong hình thức thể loại VH truyền thống. | - Phân tích thấy sức hấp dẫn của bài thơ là ở hồn thơ lãng mạn, pha chút ngông nghênh đáng yêu.  - Cách đổi mới thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật.  - Tâm sự của một người bất hòa sâu sắc với một hiện thực tầm thường, xấu xa muốn thóat li bằng mộng tưởng. | - Gợi tìm – thảo luận.  - Bình giảng. | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 17 | **Ông đồ** | 65 | KT : - Sự thay đổi trong đời sống XH và sự tiếc nuối của nhà thơ đối với những giá trị văn hoá cổ truyền của dân tộc đang dần bị mai một.  - Lối viết văn bình dị mà gợi cảm của nhà thơ trong bài thơ  KN : - Nhận biết được tác phẩm thơ lãng mạn  - Đọc diễn cảm tác phẩm  - Phân tích được những chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong tác phẩm | - “Ông đồ” của Vũ Đình là bài thơ ngũ ngôn bình dị mà cô đọng, đầy gợi cảm Bài thơ đã thể hiện sâu sắc tình cảm đáng thương của ông Đồ, qua đó tóat lên niềm cảm thương chân thành trước một lớp người đang tàn tạ và nổi tiếc nhớ cảnh cũ người xưa. |  | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| **HDĐT: Hai chữ nước nhà** | 66 | KT : - Nỗi đau mất nước và ý chí phục thù cứu nước được thể hiện trong đoạn thơ.  - Sức hấp dẫn của đoạn thơ qua cách khai thác đề tài lịch sử, lựa chọn thể thơ để diễn tả xúc động tâm trạng của n/vật l/sử với giọng thơ thống thiết.  KN : - Đọc – hiểu một đoạn thơ khai thác đề tài l/sử.  - Cảm thụ được c/xúc mãnh liệt thể hiện bằng thể thơ song thất lục bát. | - Cảm nhận được sự yêu nước của Trần Tuấn Khải và giọng điệu trữ tình thống thiết của đọan trích.  - Sức hấp dẫn của đoạn thơ qua cách khai thác đề tài lịch sử, lựa chọn thể thơ để diễn tả xúc động tâm trạng của n/vật l/sử với giọng thơ thống thiết. | - Tích hợp.  - Gợi tìm, bình giảng | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 18 | **Kiểm tra tổng hợp kì I** | 68-69 | KT :  - Củng cố lại kiến thức đã học trong chương trình kì I (ở cả 3 phân môn)  - Đánh giá kết quả học tập của học sinh.  KN :  - Rèn kĩ năng làm bài tổng hợp | \* Giúp học sinh:  - Nhận xét chung về bài làm kiểm tra của học sinh.  - Sửa chữa sai sót trong quá trình làm bài của HS  - Thống kê chất lượng bài làm của các em | Đánh giá chung, vấn đáp, diễn giảng | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 19 | **HĐNV: Làm thơ 7 chữ** | 70-71 | KT :  - Những yêu cầu tối thiểu khi làm thơ 7 chữ.  KN :  - Nhận biết thơ 7 chữ.  - Đặt câu thơ 7 chữ với các yêu cầu đối, nhịp, vần,… | -Khả năng vận dụng linh hoạt theo hướng tích hợp các kiến thức và kỹ năng ở cả ba phần của môn học  - Năng lực vận dụng tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm trong một bài viết và kỹ năng TLV nói chung để viếtđược một bài văn. | Trắc nghiệm, tự luận | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| **Trả bài kiểm tra tổng hợp** | 72 | KT : - Củng cố lại kiến thức đã học trong chương trình kì I (ở cả 3 phân môn)  - Đánh giá kết quả học tập của học sinh.  KN: - Rèn kĩ năng làm bài tổng hợp | - Nhận xét, đánh giá chung về bài làm của học sinh.  - sửa sai sót, thống kê chất lượng | Đáng giá, vấn đáp, diễn giảng | Giáo án  Tập bài chấm, bảng điểm, nhận xét  Bảng phụ, |  |
| 20 | **Nhớ rừng** | 73-74 | KT: - Sơ giản về phong trào Thơ mới.  - Chiều sâu tư tưởng yêu nước thầm kín của lớp thế hệ trí thức Tây học chán ghét thực tại, vươn tới c/sống tự do  - Hình tượng nghệ thuật độc đáo, có nhiều ý nghĩa của bài thơ *Nhớ rừng*.  KN: - Nhận biết được t/p thơ lãng mạn.  - Đọc diễn cảm t/p thơ hiện đại viết theo bút pháp lãng mạn.  - Phân tích được những chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong t/p. | - “Nhớ rừng” của Thế Lữ mượn từ của con hổ bị nhốt ở vườn bách thú để diễn tả sâu sắc nổi chán ghét thực tại tầm thường, tù túng và niềm khao khát tự do mãnh liệt bằng những vần thơ tràn đầy cảm xúc lãng mạn. Bài thơ đã khơi gợi lòng yêu nước thầm kín của người dân mất nước thuở ấy. | - Tích hợp, đọc diễn cảm, gợi tìm, phân tích, thảo luận | - Giáo án  - Tranh minh hoạ theo SGK trang 4. Chân dung Thế Lữ  - Bảng phụ, |  |
| 21 | **Quê hương** | 77 | KT: - Nguồn cảm hứng lớn trong thơ Tế Hanh nói chung và ở bài thơ này : t/y q/hương đằm thắm.  - H/ả khoẻ khoắn đầy sức sống của con người và sinh hoạt LĐ; lời thơ bình dị, c/xúc trong sáng, tha thiết.  KN :  - Nhận biết được t/p thơ lãng mạn.  - Đọc diễn cảm t/p thơ.  - Phân tích được những chi tiết miêu tả, biểu cảm đặc sắc trong bài thơ. | - Với những lời thơ bình dị mà gợi cảm, bài thơ của Tế Thanh đã vẽ một bức tranh tươi sáng, sinh động về một miền quê miền biển, trong đó nổi bậc lên hình ảnh khỏe khoắn đầy sức sống của người dân chài và sinh hoạt lao động làng chài, tha thiết của bài thơ. | - Đọc diễn cảm, tích hợp, gợi tìm, phân tích, thảo luận | - Giáo án  - Sưu tầm tranh minh hoạ cảnh sinh hoạt, đánh cá trên biển |  |
| **Khi con tu hú** | 78 | KT: - Nhứng hiểu biết bước đầu về tác giả Tố Hữu.  - Nghệ thuật khắc hoạ h/ả (thiên nhiên, cái đẹp của c/đời tu do).  - Niềm khát khao c/sống tự do, lí tưởng CM của t/giả.  KN : - Đọc diễn cảm t/p thơ thể hiện tâm tư người chiến sĩ CM bị giam giữ trong ngục tù..  - Nhận ra và phân tích được sự nhất quán về c/xúc giữa 2 phần của bài thơ ; thấy được sự vận dụng tài tình thể thơ truyền thống của tác giả ở bài thơ này. | - “Khi con tu hú” của Tố Hữu là bài thơ lục bát giản dị, thiết tha thể hiện sâu sắc lòng yêu cuộc sống và niềm khát khao tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đày | - Đọc diễn cảm, tích hợp, gợi tìm, phân tích, thảo luận | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 22 | **Tức cảnh Pác Bó** | 81 | KT: - Một đặc điểm của thơ HCM : s/d thể loại thơ tứ tuyệt để thể hiện tinh thần hiện đại của người c/sĩ CM.  - C/sống v/c và tinh thần của HCM trong những năm tháng hoạt động CM đầy khó khăn, gian khổ qua một bài thơ đước s/tác trong những ngày tháng CM chưa thành công.  KN: - Đọc – hiểu thơ tứ tuyệt của HCM  - Phân tích những chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong tác phẩm. | - Là bài thơ tứ tuyệt bình dị pha giọng vui đùa, cho thấy tinh thần lạc quan, phong thái ung dung của Bác Hồ trong cuộc sống cách mạng đầy gian khổ ở Pác Bó. Với người làm cách mạng và sống hòa hợp với thiên nhiên là một niềm vui lớn. | - Tích hợp, đọc diễn cảm, gợi tìm, phân tích, thảo luận | - Giáo án  - Sưu tầm tranh Hồ Chí Minh ngồi dịch sử Đảng trên bàn đá ở Pác Bó |  |
| 23 | **Ngắm trăng, Đi đường** | 85 | KT: - Hiểu bước đầu về t/p thơ chữ Hán của HCM. Sự khác nhau giữa VB chữ Hán và VB dịch thơ.  - Tâm hồn giàu cảm xúc trước vẻ đẹp thiên nhiên và phong thái HCM trong hoàn cảnh thử thách đi đường (ngục tù)  - Ý nghĩa khái quát mang tính triết lí của hình tượng ; Vẻ đẹp của HCM ung dung, tự tại, chủ động trước hoàn cảnh  KN: - Đọc diễn cảm.  - Phân tích được một số netá nghệ thuật tiêu biểu trong t/p. | - “Ngắm trăng” là bài thơ tứ tuyệt. Qua bài cho thấy tình yêu thiên nhiên và phong thái ung dung của Bác Hồ.  - “Đi đường” là bài thơ tứ tuyệt, mang ý nghĩa tư tưởng sâu sắc: từ việc đi dường nêu ra một chân lý’ “vượt qua gian lao sẽ đi đến thắng lợi vẽ vang” | - Tích hợp  - Đọc diễn cảm, gợi cảm, phân tích thảo luận. | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 24 | **Chiếu dời đô** | 90 | KT:  - Chiếu : thể văn chính lụân trung đại, có chức năng ban bố mệnh lệnh của nhà vua.  - Sự phát triển của quốc gia Đại Việt đang trên đà lứo mạnh  - ý nghĩa trọng đại của sự kiện dời đô từ Hoa Lư ra thành Thăng Long và sức thuyết phục mạnh mè của lời tuyên bố quyết định dời đô.  KN :  - Đọc – hiểu một văn bản viết theo thể chiếu.  - Nhận ra, thấy được đặ điểm của kiểu văn nghị luận trung đại ở một văn bản cụ thể. | - Phản ánh khát vọng của nhân dân về một đất nước độc lập, thống nhất. Phản ánh ý chí tự cường của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh. Bài chiếu có sức thuyết phục mạnh mẽ vì nó thể hiện ý nguyện của nhân dân, có sự kết hợp hài hòa giữa tình và lý. ; Nghệ thuật lập luận, cách dùng câu văn nghiền ngẫu, điển tích điển cố. | - Tích hợp  - Đọc diễn cảm | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ  - Tranh minh hoạ theo SGK trang 49 |  |
| 25 | **Hịch tướng sĩ** | 93-94 | KT : - Sơ giản về thể hịch.  - Hoàn cảnh lịch sử liên quan đến sự ra đời của bài *Hịch tướng sĩ.*  - Tinh thần y/n, ý chí quuyết thắng kẻ thù xâm lược của quân dân thời Trần.  - Đặc điểm văn chính luận ở *Hịch tướng sĩ.*  KN :  - Đọc – hiểu một văn bản viết theo thể hịch.  - Nhận biết được không khí thời đại sôi sục thời Trần ở thời điểm dt ta chuẩn bị cuộc k/c chống giặc Mông – Nguyên x/l lần thứ 2.  - Phân tích được nghệ thuật lập luận, cách dùng các điểm tích, điển cố trong VBNL trung đại | - Bài “Hịch tướng sĩ” của Trần Quốc Tuấn phản ánh tinh thần yêu nước nổng nàn của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm. Đây là một án văn chính luận sâu sắc, có sự kết hợp chặt chẽ, sắc bén với lời văn thống thiết, có sự lôi cuốn mạnh mẽ. | - Tích hợp.  - Đọc diễn cảm, gợi cảm, phân tích, thảo luận. | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 26 | **Nước Đại Việt ta** | 97 | KT : - Sơ giản về thể cáo.  - Hoàn cảnh lịch sử liên quan đến sự ra đời của bài *Bình Ngô đại cáo.*  - Nội dung tư tưởng tiến bộ của Nguyễn Trãi về đ/n, d/tộc.  - Đặc điểm văn chính luận của *Bình Ngô đại cáo* ở một đoạn trích *.*  KN : - Đọc – hiểu một văn bản viết theo thể cáo.  - Nhận ra, thấy được đặc điểm của kiểu VBNL trung đại ở thể cáo. | - Với các lập luận chặt chẽ và chứng cứ hùng hồn, đoạn trích có ý nghĩa như một bản tuyên ngôn độc lập” Nước ta là đất nước có nền văn hóa lâu đời, có lãnh thổ riêng, có chủ quyền, có truyền thống lịch sử; kẻ xâm lược là kẻ phản nhân nghĩa, nhất định thất bại. | - Tích hợp  - Đọc diễn cảm  - Gợi tìm  - Phân tích  - Thảo luận | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 27 | **Bàn luận về phép học** | 101 | KT: - Những hiểu biết bước đầu về tấu.  - Quan điểm tư tưởng tiến bộ của tác giả về m/đ, phương pháp học và mqh của việc học với sự phát triển của đ/n.  - Đặc điểm hình thức lập luận của VB.  KN :  - Đọc – hiểu một văn bản viết theo thể tấu..  - Nhận biết, phân tích cách trình bày l/điểm trong đoạn văn diễn dịch, quy nạp, cách sắp xếp và trình bày luận điểm trong văn bản. | - Với các lập luận chặt chẽ bài văn giúp ta hiểu được mục đích của việc học là để làm người có đạo đức, có tri thức, góp phần làm hưng thịnh đất nước, chứ không phải để cầu danh lợi. Muốn học tốt cần phải có phương pháp học, học phải đi đôi với hành. | - Tích hợp  - Gợi tìm, thảo luận, phân tích.  - Diễn giảng. | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 28 | **Thuế máu -**  **Hội thoại** | 105  -  106 | KT: - Bộ mặt giả nhân, giả nghĩa của TD Pháp và số phận bi thẩm của những người dân thuộc địa bị bọc lột, bị dùng làm bia đỡ đạn trong các cuộc c/t phi nghĩa phản ánh trong VB.  - Nghệ thuật lập luận và nghệ thuật trào phúng sắc sảo trong văn chính luận của NAQ.  KN :  - Đọc – hiểu văn bản chính luận hiện đại, nhận ra và phân tích được nghệ thuật trào phúng sắc bén trong một VB chính luận.  - Học cách đưa yếu tố biểu cảm vào bài văn NL. | - Chính quyền thực dân đã biến người dân nghèo khổ ở các xứ thuộc địa thành vật hi sinh để phục vụ lợi ích cho mình trong các cuộc chiến tranh tàn khôc. Nguyễn Ai Quốc đã vạch rần sự thực ấy bằng những tư liệu xác thực, phong phú, bằng ngòi bút trào phúng sắc sảo. Đoạn trích có nhiều hình ảnh giàu giá trị biểu cảm, có giọng điệu vừa đanh thép vừa mỉa mai, chua chát. | - Tích hợp  - Đọc diễn cảm, gợi tìm. Thảo luận, phân tích. | Đọc tài liệu, SGK, SGV.    - Ảnh chụp tranh Hồ Chí Minh vẽ trên báo Pháp  - Chân dung Nguyễn ái Quốc |  |
| 29 | **Đi bộ ngao du** | 109  -  110 | KT: - Mục đích, ý nghĩa của việc *đi bộ* theo quan điểm của tác giả.  - Cách lập luận chặt chẽ, sinh động, tự nhiên của nhà văn.  - Lối viết nhẹ nhàng có sức thuyết phục khi bàn về lưọi ích, hứng thú của việc đi bộ ngao du  KN: - Đọc – hiểu văn bản chính luận nước ngoài.  - Tìm hiểu, phân tích các l/điểm, l/cứ, cách trình bày v/đề trong một bài văn NL cụ thể. | - Phân tích thấy được cách lập luận chặt chẽ, sinh động mang sắc thái cá nhân của nhà văn Pháp Ru-xô.  - Ru -xô là một con người giản dị, quý trọng tự do và yêu thiên nhiên. | - Tích hợp  - Bình giảng | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 30 | **Kiểm tra Văn** | 113 | KT : - Nắm vững nội dung chủ yếu và đặc điểm nghệ thuật của các văn bản đã học đẻ làm tốt bài kiểm tra Văn  - Đánh giá kết quả học tập của học sinh.  KN: - Rèn k/năng diễn đạt và làm văn. | - Củng cố kiến thức phần Văn.  - Rèn luyện kĩ năng diễn đạt và làm văn. | - Làm bài tự luận. | Đề, đáp án và biểu điểm |  |
| 31 | **Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục** | 117  -  118 | KT : - Tiếng cười chế giễu thói *trưởng giả học làm sang*.  - Tài năng của Mô-li-e trong việc x/d một lớp hài kịch sinh động.  KN :  - Đọc phân vai kịch bản văn học.  - Phân tích mâu thuẫn kịch và tính cách n/vật kịch. | - Phân tích thấy được tài năng của Mô – li – e trong việc xây dựng một lớp kịch sinh động và khắc họa một tính cách nực cười.  - Tính cách nhố nhăng của một tay trưởng giả muốn học đòi làm sang. | - Tích hợp  - Bình giảng | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 32 | **Chương trình địa phương (Phần Văn)** | 121 | KT : - Vấn đề môi trường và tên nạn XH ở địa phương.  KN : - Quan sát, phát hiện, tìm hiểu và ghi chép thông tin.  - Bày tỏ ý kiến, suy nghĩ về vấn đề XH, tạo lập một văn bản ngắn về vấn đề đó và trình bày trước tập thể. | - Vận dụng kiến thức về các chủ đề văn bản tự dụng đã học tìm hiểu những vấn đề tương ứng ở địa phương.  - Bước đầu biết bày tỏ ý kiến, cảm nghĩ của mình về những vấn đề đó bằng văn bản. | Vấn đáp giải thích, minh hoạ, phân tích cắt nghĩa; nêu và giải thích vấn đề, | Đọc tài liệu,  Bảng phụ |  |
| 33 | **Tổng kết phần**  **Văn** | 125 | KT : - Một số k/n liên quan đến việc đọc – hiểu văn bản như chủ đề, đề tài,nôi dung y/n, cảm hứng nhân văn.  - Hệ thỗng văn bản đã học, nội dung cơ bản và đặc trưng thể loại thơ ở từng VB.  - Sự đổi mới thơ Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1945 trên các phương diện thể loại, đề tài, chủ đề, ngôn ngữ.  - Sơ giản về thể loại thơ Đường luật , thơ mới.  KN : - Khái quát, hệ thống hoá, so sánh, đối chiếu các tự liệu để nhân xét về các TPVH trên một số phương diện cụ thể.  - Cảm thụ, phân tích những chi tiết nghệ thuật  t/biểu của một số tác phẩm thơ hiện đại đã học. | - Nắm hệ thống văn bản đã học trong phần Ngữ Văn 8 với những nội dung cơ bản và đặc trưng thể loại của từng văn bản.  - Hiểu rõ giá trị tư tưởng và nghệ thuật một số văn bản tiêu biểu. | Vấn đáp giải thích, minh hoạ, phân tích cắt nghĩa; nêu và giải thích vấn đề, thảo luận nhĩm, ….. | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 34 | **Trả bài kiểm tra Văn** | 129 | KT: - Củng cố lại kiến thức phần Văn cho HS  - Đánh giá kết quả học tập của học sinh.  KN: - Rèn kĩ năng phân tích tổng hợp kiến thức. | - Qua giờ trả bài kiểm tra củng cố kiến thức về các văn bản văn học |  | Giáo án  Tập bài chấm, bảng điểm, nhận xét |  |
| **Tổng kết phần Văn**  **(tiếp)** | 132 | KT: - Hệ thống các VBNL đã học, nội dung cơ bản, đặc trưng thể loại ; giá trị tư tưởng và nghệ thuật của từng VB.  - Một số k/n thể loại liên quan đến đọc – hiểu VB như cáo, chiếu, hịch.  - Sơ giản lí luận VH về thể loại nghị luận trung đại và hiện đại.  KN : - Khái quát, hệ thống hoá, so sánh, đối chiếu các tự liệu và nhân xét về các NL trung đại và NL hiện đại.  - Nhận diện và phân tích được luận điểm, luận cứ trong các văn bản đã học  - Học tập cách trình bày, lập luận có lí, có tình. | - Hệ thống hóa kiến thức  - Khắc sâu những kiến thức cơ bản. | Vấn đáp giải thích, minh hoạ, phân tích cắt nghĩa; nêu và giải thích vấn đề, thảo luận nhĩm, ….. | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 35 | **Tổng kết phần Văn**  **(tiếp)** | 133 | KT: - Hệ thống kiến thức liên quan đến các VB văn học nước ngoài và VBND đã học : giá trị ND, NT của các t/p VHNN và chủ đề chính của VBND ở các bài đã học.  KN: - Khái quát, hệ thống hoá, so sánh, đối chiếu các tự liệu và nhân xét về các VB trên một số phương diện cụ thể.  - Liên hệ để thấy được những nét gần gũi giữa một số t/p VHNN và VHVN, giữa các t/p VHNN học ở chương trình lớp 7 và lớp 8. | - Hệ thống hóa kiến thức Văn học, cụm văn bản nghị luận  - Nắm được đặc trưng thể loại, nét riêng độc đáo về nội dung tư tưởng và nghệ thuật. | Vấn đáp giải thích, minh hoạ, phân tích cắt nghĩa; nêu và giải thích vấn đề, thảo luận nhĩm, …. | Đọc tài liệu, SGK, SGV.  Bảng phụ |  |
| 36 | **Trả bài kiểm tra tổng hợp cuối năm** | 135  -  136 | KT: - Củng cố lại kiến thức đã học trong chương trình kì II (ở cả 3 phân môn)  - Đánh giá kết quả học tập của học sinh.  KN: - Rèn kĩ năng làm bài tổng hợp | Kiểm tra nội dung chương trì nh học kỳ II, khắc sâu kiến thức đã học |  | Giáo án  Tập bài chấm, bảng điểm, nhận xét  Bảng phụ. |  |
| 37 | **Trả bài kiểm tra tổng hợp** | 140 | KT:  - Củng cố lại kiến thức đã học trong chương trình kì II (ở cả 3 phân môn)  - Đánh giá kết quả học tập của học sinh.  KN:  - Rèn kĩ năng làm bài tổng hợp | Giúp học sinh thấy được ưu, khuyết điểm của bài làm và hướng sửa chữa |  | Giáo án  Tập bài chấm, bảng điểm, nhận xét |  |

*Tp. HCM, ngày … tháng 8 năm 2017*

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN** | **NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH**  **Nguyễn Thị Hường** |

**KÍ DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU**